

KẾ HOẠCH

Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng”
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Mục tiêu cụ thể, chỉ tiêu đến năm 2025

a) Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; các chỉ tiêu đến năm 2025 như sau:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống dưới 20%.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống dưới 5%.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ học đường từ trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống dưới 34%.

b) Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; các chỉ tiêu đến năm 2025 như sau:

- Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.
- Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.
- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Giảm tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

c) Mục tiêu cụ thể 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo; các chỉ tiêu đến năm 2025 như sau:

- Tăng tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo ăn bổ sung đúng, đủ lên 50%.

- Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo đạt trên 80%.

(Chỉ tiêu hàng năm tại Phụ lục kèm theo)

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Phạm vi triển khai

Trên địa bàn toàn tỉnh; trọng tâm là huyện nghèo An Lão.

2. Đối tượng

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên địa bàn tỉnh Bình Định; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo An Lão.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo An Lão.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng từ việc thực hiện hoạt động cải thiện dinh dưỡng.

(Đối tượng, phạm vi cụ thể được xác định theo kế hoạch hàng năm)

3. Thời gian thực hiện

Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi

a) Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi theo hướng dẫn của Trung ương.

b) Cung cấp sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai theo hướng dẫn của Trung ương.

c) Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 01 tháng sau sinh theo hướng dẫn của Trung ương.

d) Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

đ) Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng:

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ em trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn của trẻ theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát và báo cáo theo quy định.

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ học đường bị suy dinh dưỡng theo hướng dẫn của Trung ương.

e) Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng theo hướng dẫn của Trung ương.

g) Tẩy giun định kỳ cho trẻ dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai theo hướng dẫn của Trung ương.

h) Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em phù hợp thực tiễn địa phương theo hướng dẫn của Trung ương.

i) Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, thôn, bản theo hướng dẫn của Trung ương.

k) Phối hợp tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú theo hướng dẫn của Trung ương.

l) Phối hợp tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng, chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học theo hướng dẫn của Trung ương.

m) Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch theo hướng dẫn của Trung ương.

n) Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng phù hợp thực tiễn địa phương theo quy định hiện hành.

o) Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng phù hợp

thực tiễn địa phương đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông về dinh dưỡng với các nội dung đa dạng bằng nhiều hình thức, nhiều kênh truyền thông.

- Tập huấn về kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em cấp huyện, xã, thôn, bản bằng hình thức phù hợp thực tiễn địa phương và tính chất nội dung đào tạo.

- Tổ chức các buổi truyền thông tại xã, thôn, bản trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng phù hợp điều kiện địa phương theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện

- Tuyên tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá đầu vào/ khảo sát, đánh giá lại/ khảo sát, đánh giá cuối kỳ tại các địa phương can thiệp trên toàn tỉnh.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện các hoạt động được bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm cho nhiệm vụ cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch; tập trung phối hợp, hướng dẫn chuyên môn cho UBND các huyện nhằm tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp nội dung hoạt động, đối tượng, địa bàn.

- Chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm của các phòng, đơn vị trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện đối với mỗi nội dung hoạt động cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo thực hiện Kế hoạch có hiệu quả, đạt chỉ tiêu được giao.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; theo dõi,

tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp.

- Hằng năm phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được giao lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ Sở Y tế tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và đầu tư

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí vốn hàng năm tổ chức thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch; hỗ trợ, hướng dẫn Sở Y tế cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Sở Giáo dục và đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai một số nội dung hoạt động của Kế hoạch tại cơ sở giáo dục, đặc biệt là trường phổ thông dân tộc nội trú.

6. Ủy ban nhân dân các huyện

- Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” trên địa bàn trong giai đoạn 05 năm và hàng năm; trong đó chủ động phối hợp với Sở Y tế để xây dựng các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo vừa đúng đối tượng, có hiệu quả và đạt được chỉ tiêu Kế hoạch đề ra vừa không chồng chéo, trùng lặp với các nhiệm vụ do Sở Y tế chủ trì triển khai trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp.

7. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế để nghiên cứu, lồng ghép nội dung Kế hoạch với các Chương trình, Dự án khác do cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm phổ biến các chủ trương, chính sách của Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan phản ánh về Sở Y tế để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Phụ lục
CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Giảm 1% so với năm 2022	Giảm 2% so với năm 2023	Giảm 2% so với năm 2024
2	Giảm % suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Giảm 1% so với năm 2022	Giảm 1% so với năm 2023	Giảm 1% so với năm 2024
3	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Giảm 1% so với năm 2022	Giảm 2% so với năm 2023	Giảm 2% so với năm 2024
4	Tăng % trẻ dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 60%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
5	Tăng % phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 60%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
6	Tăng % trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Tăng 5% so với năm 2022	Tăng 7-10% so với năm 2023	Tăng 7-10% so với năm 2024
7	% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện, xã can thiệp	Độ bao phủ tối thiểu 80%	Độ bao phủ tối thiểu 80%	Độ bao phủ tối thiểu 80%